

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 04/2022/LĐ-PT

Ngày 17/5/2022

V/v “*Tranh chấp thanh toán tiền lương,
phụ cấp, BHXH, bảo hiểm y tế*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Vũ Việt Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuý Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ:* Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2022/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp thanh toán tiền lương, phụ cấp; bảo hiểm xã hội*”.

Do Bản án số 01/2022/LĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2022/QĐPT-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị D, sinh năm: 1992; Trú tại: K430 đường T, phường H, quận N, Thành phố Đ; hiện ở tại địa chỉ: Số 31 đường D18 khu dân cư V, phường A, thành phố T, tỉnh B (Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH E; Địa chỉ trụ sở chính: Tổ hợp Cocobay đường Trường Sa, tổ 53 Tân Trà, phường H, quận N, Thành phố Đ. (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm Xã hội thành phố Đ; Địa chỉ: Số 43 đường X, phường C, quận H, Thành phố Đ; Bà Cao T- Chức vụ: Nguyên Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH E; Trú tại: Tổ hợp C, tổ 53 T, phường H, quận N, Thành phố Đ (Vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Dương Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

* *Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Tôi là Dương Thị D vào làm việc tại Công ty TNHH E theo hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm kể từ ngày 18/10/2019 đến ngày 18/10/2020; chức vụ thư ký buồng phòng, mức lương theo hợp đồng 4.800.000 đồng/tháng; Tôi ký hợp đồng với công ty nhưng công ty không giao bản hợp đồng cho tôi.

Ngày 12/02/2020, bộ phận hành chính- nhân sự của công ty có thông báo yêu cầu nhân viên trong công ty thực hiện việc nghỉ phép/nghỉ bù và ngừng việc không lương trong tháng 02/2020, đồng thời công ty sẽ không tham gia Bảo hiểm xã hội trong những ngày nghỉ không lương mặc dù chưa có thỏa thuận bất cứ vấn đề gì có liên quan. Ngày 25/4/2020, tôi đã gửi đơn yêu cầu hòa giải đến Phòng lao động thương binh và xã hội quận N, tuy nhiên không được giải quyết theo luật định. Tính đến nay, công ty vẫn chưa thanh toán cho tôi lương và phụ cấp tháng 02/2020 mặc dù đã quá thời hạn chi trả theo hợp đồng lao động mà hai bên đã ký kết. Trong thời gian buộc tôi phải nghỉ việc công ty cũng không đóng các khoản Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho tôi, không thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH E thanh toán lương và phụ cấp tháng 02/2020 là 5.600.000 đồng; lương tối thiểu vùng các tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10/2020 là 3.920.000 đồng/tháng x 8 tháng = 31.360.000 đồng. Tổng cộng: 36.960.000 đồng;

- Buộc Công ty TNHH E truy đóng Bảo hiểm xã hội kể từ tháng 02/2020 đến tháng 10/2020. Riêng Bảo hiểm y tế tôi không yêu cầu.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH E, ông Lê S trình bày:

Công ty TNHH E đồng ý thanh toán cho bà D số tiền lương, phụ cấp là 5.600.000 đồng. Riêng lương tối thiểu vùng các tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10/2020 là 3.920.000 đồng/tháng x 8 tháng = 31.360.000 đồng không đồng ý thanh toán; đối với việc đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế tôi không đồng ý theo yêu cầu của bà D vì bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đã báo giảm cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ vào Điều 44, Điều 90, Điều 98, Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012; Điều 18, Điều 21, khoản 2 Điều 89 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền lương, phụ cấp và đóng Bảo hiểm xã hội của bà Dương Thị D đối với Công ty TNHH E.

Tuyên xử: Buộc Công ty TNHH E phải trả cho bà Dương Thị D lương và phụ cấp tháng 02/2020 là 5.600.000 đồng, lương cơ bản vùng tháng 3/2020 là 3.920.000 đồng. Tổng cộng: 9.520.000 đồng;

Buộc Công ty TNHH E phải đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Dương Thị D vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Thành phố Đ tháng 02 tháng 3/2020 theo mức lương 4.200.000 đồng/tháng.

Không chấp nhận yêu cầu thanh toán lương tối thiểu vùng các tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10/2020 là 3.920.000 đồng/tháng x 7 tháng = 27.440.000 đồng;

Không chấp nhận yêu cầu truy đóng Bảo hiểm xã hội kể từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH E phải chịu 776.000 đồng.

Án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận: Bà Dương Thị Dinh được miễn không phải chịu.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 28/01/2022, bị đơn bà Dương Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án nhân dân quận N chưa xem xét toàn diện, khách quan nội dung vụ án làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động nên bà đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người kháng cáo là bà Dương Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét việc Công ty TNHH E cho bà Dương Thị Dinh nghỉ việc không lương thì thấy, do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 tác động trực tiếp đến ngành du lịch dịch vụ, nhằm giảm thiểu thiệt hại và duy trì hoạt động tối thiểu để doanh nghiệp vượt qua khó khăn nên ngày 12/02/2020 Công ty TNHH E ra thông báo cho nhân viên nghỉ phép, nghỉ bù và chế độ nghỉ không lương; ngày 28/02/2020 Công ty tiếp tục ra thông báo cho nhân viên nghỉ chế độ không lương trong tháng 3/2020 và ngày 22/3/2020 Công ty ra thông báo đến tất cả nhân viên về việc tạm dừng hoạt động khối khách sạn, nhà hàng và sắp xếp cho toàn bộ cán bộ nhân viên thuộc khách sạn nhà hàng nghỉ việc tạm thời không hưởng lương cho đến khi có thông báo mới. Đến ngày 10/4/2020, Công ty TNHH E có giấy xác nhận nghỉ

không lương số 0377/2020/KL-EH cho bà Dương Thị D kể từ ngày 01/4/2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

[2.1] Việc Công ty TNHH E có các thông báo đến nhân viên về việc nghỉ việc tạm thời không hưởng lương là không trái quy định của pháp luật trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang hoành hành. Trường hợp này được hiểu là các bên tham gia quan hệ lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động một thời gian nhất định vì lý do dịch Covid-19. Theo quy định thì trong trường hợp tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động thì người lao động không được hưởng lương và các quyền, lợi ích đã giao kết trong hợp đồng lao động nên Công ty TNHH E không trả tiền lương cho bà Dương Thị D từ ngày nghỉ không lương 01/4/2020 đến ngày Công ty có quyết định chấp nhận theo đơn xin thôi việc của bà D ngày 20/10/2020 là phù hợp với khoản 5 Điều 32 của Bộ luật lao động.

[3] Đối với yêu cầu của bà D về buộc Công ty TNHH E thanh toán cho bà Dương Thị D lương và phụ cấp tháng 02/2020 số tiền là 5.600.000đ xét thấy, Công ty TNHH E xác nhận còn chưa thanh toán lương và phụ cấp tháng 02/2020 cho bà D với số tiền là 5.600.000đ nên Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH E phải trả. Riêng trong tháng 3/2020, bà D chưa nhận được thông báo xác nhận nghỉ không lương của Công ty nên mặc dù bà D không đến Công ty làm việc do dịch bệnh nhưng vẫn được hưởng lương ngừng việc theo mức lương cơ bản vùng là 3.920.000 đồng là phù hợp với Điều 98 của Bộ luật lao động.

[4] Đối với yêu cầu của bà D truy đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02 đến tháng 10 năm 2020 thì thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật bảo hiểm xã hội quy định: “Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng bảo hiểm xã hội tháng đó.” Theo hồ sơ vụ án, Công ty TNHH E có thông báo cho bà D nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01/4/2020 nên không có cơ sở để truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà D từ tháng 4 đến tháng 10/2020. Đối với tháng 02 và tháng 3/2020, Công ty TNHH E phải đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Dương Thị D theo mức lương đóng bảo hiểm xã hội thể hiện trong Sổ bảo hiểm xã hội là 4.200.000 đồng/tháng.

[5] Xét tư cách tham gia tố tụng của bà Cao T thì thấy, quan hệ lao động là quan hệ giữa người sử dụng lao động là Công ty TNHH E với người lao động là bà Dương Thị D nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Cao T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH E tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết nên cần rút kinh nghiệm.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ có ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị D, giữ nguyên án sơ thẩm.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị D giữ nguyên án sơ thẩm.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị D phải chịu án phí lao động phúc thẩm, tuy nhiên bà được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 32, Điều 98 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 18, Điều 21, khoản 3 Điều 85 của Luật bảo hiểm xã hội. Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

I. Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị D.

II. Giữ nguyên Bản án số 01/2022/LĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền lương, phụ cấp và Bảo hiểm xã hội của bà Dương Thị D đối với Công ty TNHH E.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH E phải trả cho bà Dương Thị D lương và phụ cấp tháng 02/2020 là 5.600.000 đồng, lương cơ bản vùng tháng 3/2020 là 3.920.000 đồng. Tổng cộng số tiền là: 9.520.000 đồng;

2. Buộc Công ty TNHH E phải đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Dương Thị D vào quỹ Bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Thành phố Đ tháng 02 và tháng 3/2020 theo mức lương 4.200.000 đồng/tháng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị D về thanh toán lương tối thiểu vùng các tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10/2020 là 3.920.000 đồng/tháng x 7 tháng = 27.440.000 đồng;

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị D về truy đóng Bảo hiểm xã hội kể từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

5. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH E phải chịu là 776.000 đồng. Án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận: Bà Dương Thị D được miễn không phải chịu.

III. Án phí lao động phúc thẩm: Bà Dương Thị D được miễn không phải chịu.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đ
- TAND quận N
- CCTHADS quận N
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo